

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-29
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500447798 (số cũ 03030000154) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 02 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Cương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Doanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Sinh	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Hoan	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hoan	Tổng Giám đốc
Ông Hà Văn Định	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 02/04/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Văn Trường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình Thảo	Thành viên
Ông Lê Thế Văn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hoan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

Số: 1266/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014



Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		152.314.714.746	161.591.761.552
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.795.679.009	8.260.836.629
111	1. Tiền		4.795.679.009	8.260.836.629
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.223.381.269	62.526.209.619
131	1. Phải thu của khách hàng		63.590.329.620	57.488.831.111
132	2. Trả trước cho người bán		4.683.722.744	4.229.874.089
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.198.546.400	1.056.721.914
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(249.217.495)	(249.217.495)
140	IV. Hàng tồn kho	5	70.437.285.722	79.978.733.435
141	1. Hàng tồn kho		70.437.285.722	79.978.733.435
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.858.368.746	10.825.981.869
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.584.731.396	5.231.835.950
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	5.273.637.350	5.594.145.919
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.352.549.291	23.255.873.924
220	II. Tài sản cố định		18.425.422.739	21.068.217.949
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	18.069.223.739	20.355.102.949
222	- Nguyên giá		56.286.926.285	57.059.114.780
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.217.702.546)	(36.704.011.831)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	356.199.000	713.115.000
228	- Nguyên giá		3.569.219.141	3.569.219.141
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.213.020.141)	(2.856.104.141)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	920.020.020	920.020.020
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.300.020.020	1.300.020.020
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(380.000.000)	(380.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.007.106.532	1.267.635.955
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	491.430.867	751.960.290
268	3. Tài sản dài hạn khác		515.675.665	515.675.665
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		172.667.264.037	184.847.635.476

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		108.936.051.484	120.541.960.684
310	I. Nợ ngắn hạn		108.339.908.575	119.945.817.775
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	39.438.589.091	47.098.361.701
312	2. Phải trả người bán		20.558.874.398	19.482.326.903
313	3. Người mua trả tiền trước		13.234.447.258	24.321.585.422
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.661.168.006	4.596.409.043
315	5. Phải trả người lao động		4.202.396.601	4.839.726.977
316	6. Chi phí phải trả	13	6.321.951.170	1.320.451.405
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	19.842.290.982	17.478.912.915
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.080.191.069	808.043.409
330	II. Nợ dài hạn		596.142.909	596.142.909
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	596.142.909	596.142.909
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.731.212.553	64.305.674.792
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	63.731.212.553	64.305.674.792
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		45.000.000.000	45.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.849.090.909	6.849.090.909
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.785.052.853	4.785.052.853
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.727.067.996	1.260.890.336
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.526.659.454	2.293.570.624
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.843.341.341	4.117.070.070
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		172.667.264.037	184.847.635.476

thg
Đặng Thị Tuyết
Người lập

hph
Ngô Văn Nghĩa
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoan
Hoàng Văn Hoan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	87.544.391.523	81.561.156.084
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.544.391.523	81.561.156.084
11	4. Giá vốn hàng bán	18	73.945.761.719	63.382.718.933
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.598.629.804	18.178.437.151
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	60.931.128	109.331.654
22	7. Chi phí tài chính	20	3.342.131.049	2.285.898.141
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.342.131.049	2.285.898.141
24	8. Chi phí bán hàng	21	2.509.479.481	4.907.583.434
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7.602.721.266	5.083.804.926
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		205.229.136	6.010.482.304
31	11. Thu nhập khác	23	58.000.000	-
32	12. Chi phí khác	24	107.055.519	1.667.105
40	13. Lợi nhuận khác		(49.055.519)	(1.667.105)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		156.173.617	6.008.815.199
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	24.458.196	1.502.620.576
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>131.715.421</u>	<u>4.506.194.623</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	29	1.001

Đặng Thị Tuyết
Người lậpNgô Văn Nghĩa
Kế toán trưởngHoàng Văn Hoan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		79.110.194.002	97.136.679.096
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(56.205.668.086)	(71.897.648.237)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(9.918.829.634)	(14.019.799.008)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.342.131.049)	(2.285.898.141)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(1.837.902.366)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	870.138.150
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.457.081.371)	(7.077.649.126)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>4.186.483.862</i>	<i>887.920.368</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.800.000)	(905.247.273)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		60.931.128	109.331.654
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>8.131.128</i>	<i>(795.915.619)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		31.006.000.290	36.503.415.431
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(38.665.772.900)	(42.741.152.039)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(7.200.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(7.659.772.610)</i>	<i>(13.437.736.608)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(3.465.157.620)</i>	<i>(13.345.731.859)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		8.260.836.629	20.616.063.892
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	4.795.679.009	7.270.332.033

Đặng Thị Tuyết
Người lập

Ngô Văn Nghĩa
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Hoan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500447798 (số cũ 03030000154) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 02 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng; tương đương 4.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 17 tháng 04 năm 2009 với mã giao dịch là SKS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Xây lắp, thi công công trình xây dựng
Chi nhánh Trung Mầu	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất đá công nghiệp
Chi nhánh Biên Hòa	Tỉnh Đồng Nai	Xây lắp, thi công công trình xây dựng
Chi nhánh Sông Lô	Tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất đá công nghiệp

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông;
- Thi công lắp đặt các công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện; kinh doanh nhà, đất từ các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp vận tải;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát, tấm lợp;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, trang trí nội thất;
- Nạo, vét và bồi đắp mặt đường, nền móng công trình;
- Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị;
- Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Hoạt động kinh doanh của Công ty (*tiếp theo*)

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bê tông nhựa nóng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang đối với hoạt động sản xuất: chí phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chí phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang đối với hoạt động xây lắp: chí phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	06 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	05	năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	3.445.663.143	3.514.839.287
Tiền gửi ngân hàng	1.350.015.866	4.745.997.342
	4.795.679.009	8.260.836.629

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	120.000.000	240.000.000
Phải thu khác	1.078.546.400	816.721.914
	1.198.546.400	1.056.721.914

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	953.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	6.132.095.571	7.404.001.857
Công cụ, dụng cụ	12.400.502	13.514.299
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.983.726.495	69.751.286.143
Thành phẩm	4.309.063.154	1.856.931.136
	70.437.285.722	79.978.733.435

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	5.273.637.350	5.594.145.919
	5.273.637.350	5.594.145.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	8.216.642.178	33.801.379.678	14.883.323.652	157.769.272	57.059.114.780
Mua sắm	-	-	-	48.000.000	48.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(361.904.762)	(426.185.552)	(32.098.181)	(820.188.495)
Tại ngày 30/06/2014	8.216.642.178	33.439.474.916	14.457.138.100	173.671.091	56.286.926.285
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	1.473.967.301	26.218.596.754	8.873.862.585	137.585.191	36.704.011.831
Trích khấu hao	125.650.014	1.597.936.086	597.779.472	12.513.638	2.333.879.210
Thanh lý, nhượng bán	-	(361.904.762)	(426.185.552)	(32.098.181)	(820.188.495)
Tại ngày 30/06/2014	1.599.617.315	27.454.628.078	9.045.456.505	118.000.648	38.217.702.546
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	6.742.674.877	7.582.782.924	6.009.461.067	20.184.081	20.355.102.949
Tại ngày 30/06/2014	6.617.024.863	5.984.846.838	5.411.681.595	55.670.443	18.069.223.739

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.617.024.863 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.371.208.729 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	3.569.219.141	3.569.219.141
Tại ngày 30/06/2014	3.569.219.141	3.569.219.141
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	2.856.104.141	2.856.104.141
Trích khấu hao	356.916.000	356.916.000
Tại ngày 30/06/2014	3.213.020.141	3.213.020.141
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	713.115.000	713.115.000
Tại ngày 30/06/2014	356.199.000	356.199.000

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư dài hạn khác	1.300.020.020	1.300.020.020
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(380.000.000)	(380.000.000)
	920.020.020	920.020.020

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đầu tư dài hạn		20.020		20.020
- Cổ phiếu khác		20.020		20.020
Ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà		1.300.000.000		1.300.000.000
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà 7	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾		(380.000.000)		(380.000.000)
		920.020.020		920.020.020

(1) Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tại ngày đầu kỳ	751.960.290	9.532.107.057
Tăng trong kỳ	238.633.175	418.568.571
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(499.162.598)	(8.940.772.911)
Tại ngày cuối kỳ	491.430.867	1.009.902.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	218.562.193	270.246.457
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	156.951.751	201.667.935
Chi phí trả trước dài hạn khác	115.916.923	280.045.898
	491.430.867	751.960.290

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	38.997.589.091	46.510.361.701
Vay ngân hàng	36.997.589.091	44.510.361.701
Vay đối tượng khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	441.000.000	588.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh 15)	441.000.000	588.000.000
	39.438.589.091	47.098.361.701

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	29.468.284.763	26.766.529.393
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long ⁽²⁾	7.529.304.328	17.743.832.308
Vay cá nhân ⁽³⁾	2.000.000.000	2.000.000.000
	38.997.589.091	46.510.361.701

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 01/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: quy định trong từng khế ước cụ thể, tối đa là 06 tháng cho mỗi món vay;
- + Lãi suất cho vay: được quy định tại từng khế ước cụ thể, lãi suất tại thời điểm 30/06/2014 là 9,5% - 11%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay thụ hưởng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 13.074.0005/HĐTD ngày 15/05/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, tối đa không quá 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định tại từng khế ước cụ thể, lãi suất tại thời điểm 30/06/2014 là 10%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ nhà văn phòng diện tích 260,2 m² mặt sàn tại nhà 8D, tầng 8 tòa nhà Sông Đà - Hà Đông tại Km10 Đường Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

(3) Hợp đồng vay cá nhân và các phụ lục gia hạn với thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, lãi suất vay 10%/năm, cho vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.260.533.434	673.964.639
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	799.804.395	2.819.129.746
Thuế Thu nhập cá nhân	132.145.724	138.639.786
Thuế Tài nguyên	1.371.628.104	759.191.271
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	10.954.209	83.735.121
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	86.102.140	121.748.480
	3.661.168.006	4.596.409.043

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê máy xúc	127.272.726	-
Trích trước chi phí các công trình xây dựng	6.194.678.444	1.320.451.405
	6.321.951.170	1.320.451.405

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	891.329.177	703.372.491
Bảo hiểm xã hội	3.000.088.683	1.520.998.373
Bảo hiểm y tế	286.471.861	40.873.382
Bảo hiểm thất nghiệp	127.498.666	18.850.922
Phải trả cổ tức cho cổ đông	6.750.000.000	6.750.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Sông Đà 2	7.640.198.072	7.488.621.751
Phải trả, phải nộp khác	1.146.704.523	956.195.996
	19.842.290.982	17.478.912.915

15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	596.142.909	596.142.909
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	596.142.909	596.142.909
	596.142.909	596.142.909

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 07/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 2.213.142.909 đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: tối đa 60 tháng kể từ ngày 20/07/2010;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động thực tế VND loại kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau tại ngân hàng cộng phí dịch vụ 4,5%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản được hình thành từ vốn vay;
- + Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 1.037.142.909 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm 2014 là 441.000.000 đồng và được phân loại là nợ dài hạn đến hạn trả (trình bày tại thuyết minh số 11).



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013									
Tại ngày 01/01/2013	45.000.000.000		6.849.090.909	4.785.052.853	498.118.492	1.912.184.702	8.352.223.080	67.396.670.036	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.506.194.623	4.506.194.623	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	762.771.844	381.385.922	(2.146.929.610)	(1.002.771.844)	
Tại ngày 30/06/2013	45.000.000.000	6.849.090.909	6.849.090.909	4.785.052.853	1.260.890.336	2.293.570.624	10.711.488.093	70.900.092.815	
6 tháng đầu năm 2014									
Tại ngày 01/01/2014	45.000.000.000		6.849.090.909	4.785.052.853	1.260.890.336	2.293.570.624	4.117.070.070	64.305.674.792	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	131.715.421	131.715.421	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	466.177.660	233.088.830	(1.165.444.150)	(466.177.660)	
Chi trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)	
Tại ngày 30/06/2014	45.000.000.000	6.849.090.909	6.849.090.909	4.785.052.853	1.727.067.996	2.526.659.454	2.843.341.341	63.731.212.553	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 16a/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2013	100,00%	4.661.776.600
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	466.177.660
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5,00%	233.088.830
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	466.177.660
Chi trả thù lao HĐQT, BKS	5,15%	240.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	69,85%	3.256.332.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	51,04%	22.967.000.000	51,04%	22.967.000.000
Các cổ đông khác	48,96%	22.033.000.000	48,96%	22.033.000.000
	100%	45.000.000.000	100%	45.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.727.067.996	1.260.890.336
Quỹ dự phòng tài chính	2.526.659.454	2.293.570.624
	4.253.727.450	3.554.460.960

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	50.220.974.546	24.273.364.608
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	35.884.865.831	54.599.847.513
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.438.551.146	2.687.943.963
	87.544.391.523	81.561.156.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	47.078.435.034	22.156.201.083
Giá vốn của hoạt động sản xuất công nghiệp	25.479.037.973	38.591.898.844
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp, giá vốn khác	1.388.288.712	2.634.619.006
	73.945.761.719	63.382.718.933

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	15.931.128	109.331.654
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.000.000	-
	60.931.128	109.331.654

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.342.131.049	2.285.898.141
	3.342.131.049	2.285.898.141

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	853.818.337	1.422.143.717
Chi phí nhân công	270.630.008	326.032.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	1.950.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.385.031.136	3.154.777.125
Chi phí khác bằng tiền	-	2.680.000
	2.509.479.481	4.907.583.434

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	220.253.174	19.155.225
Chi phí nhân công	2.117.332.337	285.000.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.306.408	-
Thuế, phí, lệ phí	10.914.782	1.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	875.727.672	277.220.997
Chi phí khác bằng tiền	4.315.186.893	4.501.428.009
	7.602.721.266	5.083.804.926

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

23 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	58.000.000	-
	58.000.000	-

24 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí khác	107.055.519	1.667.105
	107.055.519	1.667.105

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	156.173.617	6.008.815.199
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.667.105
- Chi phí không hợp lệ	-	1.667.105
Các khoản điều chỉnh giảm	(45.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(45.000.000)	-
Tổng thu nhập tính thuế	111.173.617	6.010.482.304
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.458.196	1.502.620.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.819.129.746	1.837.902.367
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(1.837.902.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được bù trừ với thuế GTGT được hoàn trong kỳ.	(2.043.783.547)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	799.804.395	1.502.620.577

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	131.715.421	4.506.194.623
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	131.715.421	4.506.194.623
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.001

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.784.143.974	30.082.382.217
Chi phí nhân công	9.438.156.324	13.108.907.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.690.795.210	2.608.746.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.991.574.405	17.195.049.473
Chi phí khác bằng tiền	10.013.378.258	10.379.021.734
	87.918.048.171	73.374.107.293

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2014	01/01/2014
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.795.679.009	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.788.876.020	(249.217.495)	(249.217.495)
Đầu tư dài hạn	1.300.020.020	(380.000.000)	(380.000.000)
	70.884.575.049	(629.217.495)	(629.217.495)

		Giá trị sổ kế toán	
		30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		40.034.732.000	47.694.504.610
Phải trả người bán, phải trả khác		40.401.165.380	36.961.239.818
Chi phí phải trả		6.321.951.170	1.320.451.405
		86.757.848.550	85.976.195.833

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.795.679.009	-	-	4.795.679.009
Phải thu khách hàng, phải thu khác	64.539.658.525	-	-	64.539.658.525
Đầu tư dài hạn	-	920.020.020	-	920.020.020
	69.335.337.534	920.020.020	-	70.255.357.554
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.260.836.629	-	-	8.260.836.629
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.296.335.530	-	-	58.296.335.530
Đầu tư dài hạn	-	920.020.020	-	920.020.020
	66.557.172.159	920.020.020	-	67.477.192.179

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	39.438.589.091	596.142.909	-	40.034.732.000
Phải trả người bán, phải trả khác	40.401.165.380	-	-	40.401.165.380
Chi phí phải trả	6.321.951.170	-	-	6.321.951.170
	86.161.705.641	596.142.909	-	86.757.848.550
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	47.098.361.701	596.142.909	-	47.694.504.610
Phải trả người bán, phải trả khác	36.961.239.818	-	-	36.961.239.818
Chi phí phải trả	1.320.451.405	-	-	1.320.451.405
	85.380.052.924	596.142.909	-	85.976.195.833

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp ký ngày 08 tháng 05 năm 2014 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (SD2) và Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà (SKS) hiện là công ty con do SD2 sở hữu 51,04% vốn điều lệ thì để nâng cao vị thế, thương hiệu, khả năng cạnh tranh cũng như đẩy mạnh năng lực tài chính, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, SKS sẽ sáp nhập vào SD2. Việc sáp nhập được thực hiện theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Theo đó, SD2 phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ số cổ phiếu của SKS đang lưu hành do các cổ đông khác ngoài SD2 nắm giữ theo tỷ lệ hoán đổi là 01 cổ phiếu SKS: 1,1 cổ phiếu SD2 (nghĩa là 100 cổ phiếu SKS đổi được 110 cổ phiếu SD2). Sau khi hoàn thành việc hoán đổi, SD2 sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ của SKS và sẽ tổ chức lại SKS thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do SD2 sở hữu 100% vốn điều lệ. Cổ đông của SKS sẽ chuyển thành cổ đông của SD2, có đầy đủ quyền và nghĩa vụ như những cổ đông hiện hữu của SD2. Thời gian thực hiện dự kiến trong khoản thời gian từ quý II năm 2014 đến quý IV năm 2014.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀ

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động sản xuất đá công nghiệp VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.220.974.546	35.884.865.831	1.438.551.146	87.544.391.523	-	87.544.391.523
Chi phí bộ phận trực tiếp	47.078.435.034	25.479.037.973	1.388.288.712	73.945.761.719	-	73.945.761.719
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	3.142.539.512	10.405.827.858	50.262.434	13.598.629.804	-	13.598.629.804
Tài sản bộ phận trực tiếp	62.745.538.796	30.423.867.871	-	93.169.406.667	-	93.169.406.667
Tài sản không phân bổ	-	-	-	79.497.857.370	-	79.497.857.370
Tổng tài sản	62.745.538.796	30.423.867.871	-	172.667.264.037	-	172.667.264.037
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	10.689.270.362	14.781.081.596	-	25.470.351.958	-	25.470.351.958
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	83.465.699.526	-	83.465.699.526
Tổng nợ phải trả	10.689.270.362	14.781.081.596	-	108.936.051.484	-	108.936.051.484

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÔNG ĐÀKm 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Mua hàng			
Chi nhánh 2.05 - Công ty CP Sông Đà 2	Chi nhánh của Công ty mẹ	124.825.175	-
Chi nhánh 2.09 - Công ty CP Sông Đà 2	Chi nhánh của Công ty mẹ	8.590.909	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty mẹ	514.896.883	691.949.575
Phải trả người bán			
Chi nhánh 2.05 - Công ty CP Sông Đà 2	Chi nhánh của Công ty mẹ	-	81.500.000
Chi nhánh 2.09 - Công ty CP Sông Đà 2	Chi nhánh của Công ty mẹ	9.450.000	-
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty mẹ	7.833.325.300	7.488.621.751
Nợ dài hạn			
Phải trả cổ tức			
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty mẹ	3.445.050.000	3.445.050.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	799.077.589	907.286.923

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.


Đặng Thị Tuyết
Người lập


Ngô Văn Nghĩa
Kế toán trưởng


Hoàng Văn Hoan
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2014